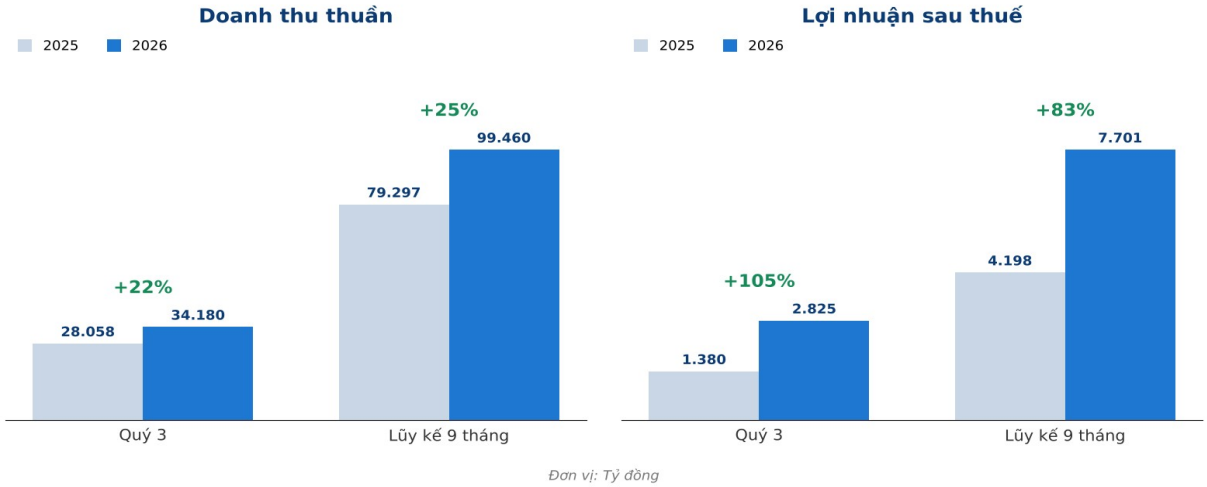
THÔNG CÁO BÁO CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28/10/2026: Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh ("DMX" hoặc "Công ty") công bố báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 và 9 tháng đầu năm 2026 với doanh thu và lợi nhuận quý cao nhất từ trước đến nay. Sau 9 tháng, lợi nhuận sau thuế đã vượt kế hoạch cả năm 2026, nhờ chiến lược "tăng trưởng bằng chất", hệ sinh thái dịch vụ ngày càng mở rộng và đà tăng tốc của Erablue tại Indonesia.

Điểm nhấn chính

- **Quý 3:** doanh thu thuần hợp nhất đạt **34.180 tỷ đồng, tăng 22%** so với cùng kỳ (so sánh tương đương loại trừ An Khang, AvaKids và gồm Thợ DMX tăng 27%); lợi nhuận sau thuế đạt **2.825 tỷ đồng, tăng 105%**, hơn gấp đôi cùng kỳ (so sánh tương đương tăng 96%). Biên lợi nhuận sau thuế đạt 8,3%, tăng 3,3 điểm phần trăm (đpt).
- **Lũy kế 9 tháng:** doanh thu thuần đạt **99.460 tỷ đồng, tăng 25%** (tương đương tăng 29%) và lợi nhuận sau thuế đạt **7.701 tỷ đồng, tăng 83%** (tương đương tăng 73%) so với cùng kỳ; biên lợi nhuận sau thuế đạt 7,7%, tăng 2,4 đpt. Kết quả tương ứng hoàn thành 81% kế hoạch doanh thu và **105% kế hoạch lợi nhuận** cả năm 2026.
- **Tăng trưởng bằng chất:** doanh thu cửa hàng cũ (SSSG) 9 tháng tăng 30%, cả ba chuỗi tại Việt Nam tăng trưởng từ 29% đến 34% trong khi mạng lưới giảm 29 cửa hàng so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp 9 tháng đạt 20,2% (tăng 2,9 đpt), riêng Quý 3 đạt 20,4% (tăng 3,7 đpt).
- **Hệ sinh thái dịch vụ mở rộng:** doanh thu qua trả chậm chiếm 38% tổng doanh thu và tăng 50%; doanh thu Thợ DMX tăng 39%; doanh thu online tăng 37%, chiếm 14% tổng doanh thu.
- **Erablue (Indonesia) tăng tốc:** đạt 337 cửa hàng cuối Quý 3 (tăng 193 cửa hàng so với cùng kỳ), vượt mục tiêu 300 đến 350 cửa hàng đặt ra cho cả năm và hướng tới 400 đến 450 cửa hàng trong Q4; doanh thu và lợi nhuận sau thuế 9 tháng tăng lần lượt 86% và 77% (theo IDR).
- **Nền tảng tài chính vững chắc:** vốn chủ sở hữu đạt 33.592 tỷ đồng (tăng 89% so với đầu năm) sau IPO; tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn gấp 1,8 lần dư nợ vay ngắn hạn; Quý 3 chi trả 5.071 tỷ đồng cổ tức bằng tiền.



Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả hoạt động kinh doanh

Trụ cột 1: Tăng trưởng bằng chất

- Ba chuỗi bán lẻ tại Việt Nam đều tăng trưởng doanh thu mạnh trong 9 tháng: Thế Giới Di Động tăng 29%, Điện Máy Xanh tăng 29% và TopZone tăng 34% so với cùng kỳ; doanh thu cửa hàng cũ (SSSG) tăng 30%,

trong khi mạng lưới được giữ tinh gọn ở mức 3.003 cửa hàng (giảm 29 cửa hàng so với cùng kỳ). Toàn bộ mức tăng đến từ nâng cao năng suất điểm bán thay vì mở rộng mạng lưới.

- Ngành hàng chủ lực tăng mạnh (9 tháng, so với cùng kỳ): điện thoại Apple và máy lạnh khoảng 50%; laptop, gia dụng, phụ kiện 30%; tủ lạnh, máy giặt 25%; điện thoại Android và dịch vụ 20%; tivi 15%.
- Động lực tăng trưởng gồm mở rộng ngành hàng (máy lạnh, gia dụng, phụ kiện, SKU chỉ bán online), thị phần Apple tăng qua TopZone, xu hướng AI và nhà thông minh (laptop AI, thiết bị đeo, IoT, robot), cùng trả chậm 0% và các gói hậu mãi mở rộng giúp giữ sức mua thay vì giảm giá.
- iPhone 18 series mở bán ngày 18/9/2026, cùng ngày với Mỹ; lượng đặt trước và giao máy tuần đầu gấp đôi năm trước. TopZone, chuỗi tăng trưởng nhanh nhất, khai trương thêm 2 cửa hàng Apple Premium Reseller (APR) tại TP.HCM (181 Hàm Nghi) và Hà Nội (19 Đinh Tiên Hoàng).

Trụ cột 2: Tài chính tiêu dùng và dịch vụ tiện ích

- Tài chính tiêu dùng tiếp tục là lợi thế cạnh tranh: DMX chiếm 80% thị phần tài chính tiêu dùng mảng ICT/CE; doanh thu qua hình thức trả chậm chiếm 38% tổng doanh thu (cùng kỳ: 33%) và tăng 50% so với cùng kỳ; 96% sản phẩm đủ điều kiện trả chậm.
- Dịch vụ tiện ích và ngân hàng đại lý đạt tổng giá trị giao dịch 82.400 tỷ đồng (tăng 3% so với cùng kỳ) với 54 triệu lượt giao dịch (tăng 7%) qua hơn 3.000 điểm giao dịch trên toàn quốc, mở rộng nguồn thu ngoài bán lẻ.

Trụ cột 3: Thợ DMX

- Thợ DMX đạt 2.738 tỷ đồng doanh thu trong 9 tháng (tăng 39% so với cùng kỳ), trong đó 332 tỷ đồng đến từ khách hàng bên ngoài (tăng 41%), nâng tỷ trọng doanh thu từ khách hàng ngoài lên 12,1%, từng bước chuyển từ trung tâm chi phí thành nguồn doanh thu và lợi nhuận.
- Trong Quý 3, năng lực lắp đặt của thợ chính quy đạt hơn 1,27 triệu đơn (tăng 10%), cao điểm ngày Quốc khánh 2/9 đạt hơn 42.000 đơn; doanh thu bảo dưỡng định kỳ tăng 61% và bán ra 162 nghìn gói bảo hành mở rộng và 1 đổi 1.

Trụ cột 4: Super App và Website

- Doanh thu online đạt 14.361 tỷ đồng trong 9 tháng (tăng 37%), đóng góp 14% tổng doanh thu; Super App đạt 19,6 triệu thành viên (tăng 1,7 triệu từ đầu năm).
- Doanh thu từ khách hàng thân thiết đạt hơn 9.100 tỷ đồng trong 9 tháng, vượt 20% cả năm 2025, riêng Quý 3 gấp 3,8 lần Quý 2; Super App bổ sung nhiều tiện ích mua sắm gồm ứng dụng bản đồ, giải trí, học tập và thẻ tín dụng 3 trong 1.

Trụ cột 5: Erablue (Indonesia)

- Chuỗi Erablue đạt 337 cửa hàng cuối Quý 3 (tăng 193 cửa hàng so với cùng kỳ và 156 cửa hàng so với đầu năm), trong đó Quý 3 mở mới kỷ lục 76 cửa hàng (Quý 1: 31, Quý 2: 49), phần lớn tại Central Java. Doanh thu 9 tháng đạt 4.635 tỷ đồng (tăng 86% theo IDR) với SSSG tăng 13%; lợi nhuận sau thuế tăng 77% (theo IDR).
- Giao hàng được nâng cấp (đơn trước 17 giờ giao trong ngày, trước đây 24 giờ), giúp doanh thu máy lạnh tăng 140%. Hầu hết cửa hàng mới đạt EBIT dương ngay tháng đầu; Erablue tiếp tục tăng tốc hướng tới 1.000 cửa hàng vào năm 2030.

Tình hình tài chính

Tại ngày 30/9/2026, tổng tài sản đạt 74.288 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu đạt 33.592 tỷ đồng, tăng 88,7% so với cuối năm 2025 nhờ nguồn vốn từ đợt IPO (vốn điều lệ tăng lên 12.677 tỷ đồng). Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn đạt 38.129 tỷ đồng, gấp 1,8 lần dư nợ vay ngắn hạn (21.722 tỷ đồng, giảm 7,3%). Hàng tồn kho đạt 29.350 tỷ đồng, chuẩn bị cho mùa cao điểm cuối năm và Tết.

Triển vọng

Quý 4 là mùa cao điểm với iPhone 18, mùa mưa lạnh (bình nóng lạnh, máy sấy), mua sắm cuối năm và Tết, cùng đà mở rộng của Erablue, Super App và tài chính tiêu dùng. DMX dự kiến cả năm 2026 đạt doanh thu khoảng **138.900 tỷ đồng** (tăng 30% so sánh tương đương) và lợi nhuận sau thuế tối thiểu **10.000 tỷ đồng** (tăng 64% so sánh tương đương). DMX sẽ họp cập nhật kết quả Quý 3/2026 với nhà đầu tư ngày 3/11/2026. Thông cáo có các nhận định dự báo dựa trên kỳ vọng hiện tại; kết quả thực tế có thể khác biệt.

PHỤ LỤC: TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Đơn vị: Tỷ đồng)

Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Q3/2026	Q3/2025	Q2/2026	%YoY	%QoQ	Lũy kế 2026	Lũy kế 2025	%YoY
Doanh thu thuần	**34.180**	**28.058**	**32.738**	**+21,8%**	**+4,4%**	**99.460**	**79.297**	**+25,4%**
Giá vốn hàng bán	(27.199)	(23.368)	(25.831)	-16,4%	-5,3%	(79.331)	(65.523)	-21,1%
Lợi nhuận gộp	**6.981**	**4.690**	**6.906**	**+48,9%**	**+1,1%**	**20.129**	**13.774**	**+46,1%**
Doanh thu tài chính	730	457	585	+59,8%	+24,7%	1.827	1.350	+35,3%
Chi phí tài chính	(350)	(248)	(343)	-41,4%	-2,0%	(1.020)	(678)	-50,5%
Trong đó: chi phí lãi vay	*(347)*	*(247)*	*(342)*	*-40,4%*	*-1,5%*	*(1.013)*	*(675)*	*-50,1%*
Chi phí bán hàng	(3.037)	(2.290)	(2.736)	-32,6%	-11,0%	(8.212)	(6.716)	-22,3%
Chi phí quản lý DN	(804)	(868)	(1.117)	+7,4%	+28,0%	(3.146)	(2.475)	-27,1%
Phần lãi từ LDLK	9	4	19	+123,3%	-50,0%	37	18	+100,7%
LN thuần HĐKD	**3.529**	**1.745**	**3.313**	**+102,2%**	**+6,5%**	**9.615**	**5.274**	**+82,3%**
Lãi/lỗ khác	2	(2)	5	+199,4%	-52,4%	10	5	+113,0%
LN trước thuế	**3.531**	**1.742**	**3.318**	**+102,7%**	**+6,4%**	**9.625**	**5.279**	**+82,3%**
Chi phí thuế TNDN	(707)	(363)	(661)	-94,9%	-7,0%	(1.924)	(1.080)	-78,1%
LN sau thuế	**2.825**	**1.380**	**2.658**	**+104,7%**	**+6,3%**	**7.701**	**4.198**	**+83,4%**
EPS cơ bản (đồng)	2.254	1.265	2.413	+78,2%	-6,6%	6.682	3.850	+73,6%

Các biên lợi nhuận

Chỉ số	Q3/2026	Q3/2025	Q2/2026	±YoY	±QoQ	Lũy kế 2026	Lũy kế 2025	±YoY
Biên Lợi nhuận gộp	20,4%	16,7%	21,1%	+3,7đpt	-0,7đpt	20,2%	17,4%	+2,9đpt
Biên Chi phí bán hàng	8,9%	8,2%	8,4%	+0,7đpt	+0,5đpt	8,3%	8,5%	-0,2đpt
Biên Chi phí quản lý DN	2,4%	3,1%	3,4%	-0,7đpt	-1,1đpt	3,2%	3,1%	+0,0đpt
Biên EBITDA	11,7%	7,8%	11,6%	+3,9đpt	+0,1đpt	11,1%	8,3%	+2,8đpt
Biên Lợi nhuận hoạt động	10,3%	6,2%	10,1%	+4,1đpt	+0,2đpt	9,7%	6,7%	+3,0đpt
Biên Lợi nhuận sau thuế	8,3%	4,9%	8,1%	+3,3đpt	+0,1đpt	7,7%	5,3%	+2,4đpt

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	30/09/2026	31/12/2025	%YTD
Tiền & tương đương tiền	5.359	3.578	+49,8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.770	25.247	+29,8%
Phải thu ngắn hạn	2.724	1.433	+90,2%
Hàng tồn kho	29.350	22.759	+29,0%
Tài sản ngắn hạn	**70.744**	**53.566**	**+32,1%**
Tài sản dài hạn	**3.544**	**3.351**	**+5,8%**
TỔNG TÀI SẢN	**74.288**	**56.916**	**+30,5%**
Phải trả người bán ngắn hạn	11.579	9.702	+19,3%
Vay ngắn hạn	21.722	23.429	-7,3%
Nợ phải trả	**40.695**	**39.116**	**+4,0%**
Vốn chủ sở hữu	**33.592**	**17.801**	**+88,7%**
TỔNG NGUỒN VỐN	**74.288**	**56.916**	**+30,5%**

Lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Lũy kế 2026	Lũy kế 2025	%YoY
LC thuần hoạt động kinh doanh	**1.465**	**4.947**	**-70,4%**
LC thuần hoạt động đầu tư	(6.069)	(2.344)	-158,9%
Trong đó: Đầu tư tài sản cố định	*(227)*	*(50)*	*-358,0%*
LC thuần hoạt động tài chính	6.384	(1.633)	+491,0%
LC tiền thuần trong kỳ	**1.781**	**970**	**+83,6%**
Tiền đầu kỳ	3.578	3.780	-5,3%
Tiền cuối kỳ	**5.359**	**4.750**	**+12,8%**

Các hệ số tài chính chủ yếu

1. CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN · Liquidity ratios	**Đơn vị · Unit**	**30/09/2026**	**31/12/2025**
Hệ số thanh toán ngắn hạn · Current ratio	lần · times	1,76	1,37
Hệ số thanh toán nhanh · Quick ratio	lần · times	1,03	0,79
2. CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN · Capital structure ratios	**Đơn vị · Unit**	**30/09/2026**	**31/12/2025**
Hệ số Nợ / Tổng tài sản · Debt-to-assets	lần · times	0,55	0,69
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu · Debt-to-equity	lần · times	1,21	2,20
3. CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI · Profitability ratios	**Đơn vị · Unit**	**LK 12T đến 30/09/2026**	**LK 12T đến 31/12/2025**
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ · ROE	%	27,7%	32,6%
Tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư · ROIC	%	18,7%	15,9%
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản · ROA	%	12,5%	10,2%

Chú thích viết tắt: YoY, so sánh cùng kỳ năm trước; QoQ, so với quý liền trước; SSSG, tăng trưởng doanh thu cửa hàng cũ; EBITDA, lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao; ROE, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu; ROA, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản; ROIC, tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư; đpt, điểm phần trăm.